TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày: 13 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Y Manh ADrơng.

Ông Trần Hữu Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Ksơr Y Kơn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2022/TLST-HS, ngày 13 tháng 12 năm 2022 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/ 2022/QĐXXST-HS, ngày 20 tháng 12 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Trần Văn T), sinh năm 1959, tại tỉnh Thái Bình; Nơi đăng ký HKTT (trước khi bỏ trốn): Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (Đã chết); con bà Nguyễn Thị L (đã chết); có vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1952; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2022 đến ngày 23/9/2022, được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh (có mặt tại phiên toà).

- Bị hại:

1. Ông Hoàng Đức H. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

2. Ông Hoàng Văn T. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

3. Ông Hoàng Văn p. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Ông Ma Văn T. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. Bà Lê Thị C. Địa chỉ: Thôn 6, xã EaRal, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

6. Ông Y N H. Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

7. Ông Y N H. Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

8. Bà Lê Thị T. Địa chỉ: Thôn V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị B (Bưởi). Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt).

10. Ông Nhan Văn L. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Cộng H, bà Trịnh Thị T. Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

12. Ông Phan Văn T, bà Đoàn Thị Thanh H. Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

13. Bà Trịnh Thị T. Địa chỉ: Khối 7, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

14. Bà Cao Thị X, ông Phan Văn M. Địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

15. Ông Vương Văn L. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công Đ. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố B, phường T3, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ái M. Địa chỉ: Tổ 12, khu phố B, phường T3, thị xã B, tỉnh Bình Dương (Có mặt).

3. Bà Phạm Thị H. Khu phố L, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 04 tháng 08 năm 1959, tại thôn N, xã T, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Năm 1986 Nguyễn Văn S đến sinh sống tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì làm mất Giấy chứng minh nhân dân; năm 1987 Nguyễn Văn S đến sinh sống tại huyện L, tỉnh Bình Phước; năm 1989 Nguyễn Văn S làm lại Giấy chứng minh nhân dân lấy tên Trần Văn T, sinh năm 1951 (sử dụng tên Trần Văn T từ đó đến nay).

Năm 1993 Trần Văn T (Nguyễn Văn S) đến sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, làm nghề mua bán nông sản. Trong thời gian từ năm 2000 đến năm 2002, thông qua mối quan hệ làm ăn, quen biết Trần Văn T đã nhận ký, gửi các mặt hàng nông sản như: Cà phê, Tiêu, Đậu, Bắp của các hộ dân, khi nào có nhu cầu người gửi sẽ bán chốt giá tại thời điểm theo giá thị trường; nhận tiền trước của một số tiểu thương để bán lại các mặt hàng nông sản cho họ. Với phương thức kinh doanh trên, Trần Văn T đã nhận của 16 cá nhân và hộ dân cư trú tại địa bàn huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Quảng Ngãi với tổng số tài sản gồm: 18.508 kg Cà phê vỏ khô, 488 kg Tiêu sọ và 218.510.000 đồng tiền mặt, cụ thể như sau:

1. Năm 2000, Trần Văn T nhận ký gửi của ông Hoàng Đức H, trú tại thôn 5A, xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk 1.000kg cà phê vỏ khô; ngày 27/11/2001 tiếp tục nhận ký gửi của ông Hoàng Đức H 1.565kg cà phê vỏ khô. Tổng cộng 2.565 kg cà phê vỏ khô.

2. Vào ngày 11 và 21 tháng 11/2001, Trần Văn T nhận ký gửi của ông Hoàng Văn T, trú tại thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk 3.455 kg cà phê vỏ khô với thoả thuận sẽ chốt giá cà phê theo giá thị trường tại thời điểm bán. Ngày 11/01/2002, ông T chốt bán 500 kg cà phê vỏ khô được 2.250.000 đồng. Tổng cộng còn lại 2.955 kg cà phê vỏ khô.

3. Ngày 29/11/2001, Trần Văn T nhận ký gửi 1.000 kg cà phê vỏ khô của ông Hoàng Văn P, trú tại thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ngày 27/11/2001, Trần Văn T nhận ký gửi 4.239 kg cà phê vỏ khô của ông Ma Văn T, trú tại thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ngày 19/01/2002 (âm lịch), Trần Văn T đến nhà bà Lê Thị C, trú tại thôn 7, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk chốt giá bán 10 tấn cà phê nhân với giá 5.850 đồng/kg thành tiền 58.500.000 đồng. T nhận trước số tiền của bà C 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), hẹn ngày 20/01/2002 (âm lịch), ông Thành giao đủ cà phê nhân cho bà C và nhận số tiền còn lại.

6. Vào ngày 17 và 18 tháng 9/2001, Trần Văn T cùng cháu là Nguyễn Công Đ đến nhà ông Y N H, trú tại Buôn T, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk mua 10.886 kg Bắp hạt với giá 13.275.000 đồng. Ngày 20/9/2001, T trả cho ông Y N số tiền 3.275.000 đồng, còn lại số tiền 10.000.000 đồng, Thành hẹn tháng 03/2002 sẽ trả.

7. Tháng 11/2001, Trần Văn T đến nhà ông Y N H, trú tại Buôn T, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk mua 10.000 kg Bắp hạt khô thành tiền 14.886.000 đồng. Ngày 13/02/2001, T trả cho ông Y N Hố tiền 4.886.000 đồng, hẹn tháng 03/2002 trả số tiền còn lại là 10.000.000 đồng.

8. Bà Lê Thị T, trú tại Thôn V, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có quan hệ mua bán nông sản với Trần Văn T. Vào tháng 4 năm 2001 bà Thứ đã cho T ứng trước 03 lần tiền, tổng cộng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để mua Bắp nhưng chưa giao hàng.

9. Bà Nguyễn Thị B (Bưởi), trú tại Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi có quan hệ mua bán nông sản (Bắp, đậu) với Trần Văn T. Ngày 24/12/2001 Bà B cho T ứng trước số tiền 20.000.000 đồng, ngày 14/01/2001 bà B cho T ứng tiếp số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng 30.000.000 đồng để mua nông sản, nhưng chưa giao hàng.

10. Ngày 24/01/2001, Trần Văn T nhận ký gửi 610 kg cà phê vỏ khô của ông Nhan Văn L, trú tại: thôn 5A, xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

11. Ngày 24/01/2001, Trần Văn T nhận ký gửi 2.116 kg cà phê vỏ khô của vợ chồng ông Nguyễn Cộng H và bà Trịnh Thị T, trú tại khu chợ xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

12. Ngày 07/12/2001, Trần Văn T nhận ký gửi 5.023 kg cà phê vỏ khô và 488 kg tiêu sọ của ông Phan Văn T và vợ là bà Đoàn Thị Thanh H cùng trú tại khu chợ xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

13. Ngày 20/11/2001, Trần Văn T mua Bắp, Đậu và Lạc của ông Lê Xuân H, trú tại khu chợ xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk với số tiền mua là 22.901.000 đồng, T đã trả trước cho ông H số tiền 19.635.000 đồng còn lại 3.260.000 đồng.

14. Ngày 22/02/2001, Trần Văn T đến nhà bà Trịnh Thị T, trú tại khối 7, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk chốt giá bán 10.000 kg cà phê nhân với giá 53.250.000 đồng và nhận trước số tiền 40.000.000 đồng, ngày 02/3/2002 T nhận thêm 13.250.000 đồng nhưng chưa giao hàng.

15. Ngày 04/02/2002, Trần Văn T chốt giá bán cho bà Cao Thị X và ông Phan Văn M, trú tại khu chợ xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk 10.000 kg cà phê nhân, thành tiền 42.000.000 đồng và nhận 42.000.000 đồng của bà X và ông M, nhưng chưa giao hàng.

16. Ngày 08/02/2001, Trần Văn T mượn của ông Vương Văn L, trú tại thôn A, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk số tiền 2.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 97% với lãi suất thoả thuận 0,5%/tháng, thời hạn cho vay đến ngày 03/03/2002.

Sau khi nhận ký gửi các mặt hàng nông sản, nhận tiền để giao hàng và vay mượn của các cá nhân và hộ dân nêu trên. Trần Văn T không thực hiện theo thỏa thuận như cam kết, đến ngày 03/3/2002, Thành đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 25/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự (PC09) Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết của bị can Trần Văn T trong một số giấy biên nhận cà phê (do người bị hại cung cấp); giám định đường vân trong bản sao tờ khai CMND và chỉ bản số sinh năm 19150215804 của Nguyễn Văn S, sinh năm 1959; bản sao tờ khai CMND và chỉ bản số 150236196 của Trần Văn T, sinh năm 1958 (Phòng PC06 Công an tỉnh Thái Bình cung cấp) so với chữ ký, chữ viết và đường vẫn trong tờ khai CMND số 280545202 của Trần Văn T (Phòng PC06 Công an Bình Phước cung cấp), kết quả:

- Tại Kết luận giám định số 286/PC09 ngày 10/4/2020 của Phòng PC09 Công an tỉnh Đắk Lắk, xác định:

+ Chữ viết mang tên Trần Văn T trong các giấy biên nhận cà phê so với chữ viết phần nội dung (trừ chữ viết ở mục "dấu viết riêng hoặc dị hình") trong tờ khai CMND số 280545202 (bản gốc mượn của Phòng PC06 Công an tỉnh Bình Phước), người viết đứng tên Trần Văn T là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký mang tên Trần Văn T trong các tài liệu giám định khác dạng so với chữ ký dưới mục "Người khai ký tên" trong tờ khai chứng minh nhân dân số 280545202 nên không đủ cơ sở để kết luận giám định.

Tại Kết luận giám định số 276/GĐĐV-PC09 ngày 09/4/2020 của Phòng PC09 Công an tỉnh Đắk Lắk, xác định:

Đường vân của ngón tay trái và ngón tay phải trên bản sao tờ khai CMND và bản sao chỉ bản số 150236196, họ tên: Trần Văn T, sinh năm 1958, nơi cư trú: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, lập ngày 24/7/1978 tại CA tỉnh Thái Bình so với đường vân của ngón trỏ trái và ngón trỏ phải trên bản sao tờ khai CMND số 280545202, họ tên Trần Văn T, sinh ngày 04/5/1951, nơi thường trú: Đội 2, Ấp 4, Hợp tác xã Hưng Tiến, lập ngày 16/01/1989 tại CA tỉnh Bình Phước không phải của cùng một người.

+ Đường vân của ngón trỏ trái và ngón trỏ phải trên bản sao tờ khai CMND và bản sao chỉ bản số 150215804, họ tên: Nguyễn Văn S, sinh ngày 04/8/1959, nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T3, tỉnh Thái Bình, lập ngày 23/7/1975 tại CA tỉnh Thái Bình so với đường vân của ngón trỏ trái và ngón trỏ phải trên bản sao tờ khai CMND số 280545202, họ tên Trần Văn T, sinh ngày 04/5/1951, nơi cư trú: Đội 2, Ấp 4, HTX H, lập ngày 16/01/1989 tại CA tỉnh Bình Phước là của cùng một người.

Ngày 14/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk yêu cầu định giá tài sản số 178/VPCQCSĐT đối với 18.508 kg Cà phê vỏ khô, 488 kg Tiêu sọ và 04 chỉ vàng 97%.

Tại kết luận định giá tài sản số 1256/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 13/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk xác định giá tại thời điểm năm 2002 của: 18.508 kg Cà phê vỏ khô là 78.659.000 đồng; 488 kg Tiêu sọ là 15.884.400 đồng; 04 chỉ vàng 97% là 2.156.000 đồng. Qua đó xác định tổng số tiền đã bị chiếm đoạt của 16 cá nhân và hộ dân là 317.209.400 đồng.

Ngày 30/08/2022, Nguyễn Văn S (Trần Văn T), sinh năm: 1959, chỗ ở hiện nay: Khu phố L, thị trấn N, huyện N1, tỉnh Bình Thuận đến Công an thị trấn Thuận Nam đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngày 31/08/2022, Nguyễn Văn S được Công an huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận và Phòng PC02 Công an tỉnh Đắk Lắk giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk để tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số: 905/KL-KTHS - PC09, ngày 28/9/2022, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Dấu vân tay của Nguyễn Văn S (người ra đầu thú tại Công an thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào ngày 30/8/2022), Nguyễn Văn S trong Bản sao Tờ khai chứng minh nhân dân số 150215804 cấp ngày 23/7/1975 do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Thái Bình và Trần Văn T trong Bản sao Tờ khai chứng minh nhân dân số 280545202 cấp ngày 16/01/1989 do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an tỉnh Bình Phước là của cùng một người.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã kê biên những tài sản gồm:

- Thửa số 278, tờ bản đồ số 121; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk với diện tích là 261,9 m^2;

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: tại thôn 3, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, diện tích là 5110m^2;

Ngày 16/9/2022 và 01/11/2022, sau khi xác minh việc kê biên tài sản không còn cần thiết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định huỷ bỏ lệnh kê biên tài sản đối với hai tài sản nêu trên.

Về dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn S (Trần Văn T) đã tự nguyện thoả thuận, bồi thường cho những người bị hại ông Hoàng Đức H 31.000.000 đồng; ông Hoàng Văn T 60.000.000 đồng; ông Hoàng Văn P (vợ Nông Thị R) 20.000.000 đồng; ông Ma Văn T 85.000.000 đồng; bà Lê Thị C 400.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; Bà Lê Thị T 30.000.000 đồng; Bà

Nguyễn Thị B (Bưởi) 87.000.000 đồng; ông Nhan Văn L 6.700.000 đồng; Nguyễn Cộng H (vợ Trịnh Thị T) 51.000.000 đồng; Phan Văn T (vợ Đoàn Thị Thành H) 165.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T 53.250.000 đồng; bà Cao Thị X (chồng Phan Văn M) 10 tấn cà phê nhân; ông Vương Văn L 25.000.000 đồng.

Đối với ông Lê Xuân H hiện không xác định được đang ở đâu nên chưa thực hiện được việc bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác Trần Văn T) về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đánh giá về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Áp dụng theo điểm a khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách bằng 02 lần mức án tuyên.

Đối với Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thị Ái M là người làm thuê cho Nguyễn Văn S, toàn bộ quá trình nhận ký gửi, thu tiền và quản lý cửa hàng thu mua nông sản là do Nguyễn Văn S quyết định; bà Phạm Thị H chỉ làm công việc nội trợ gia đình không tham gia vào việc nhận tiền, ký gửi nông sản nên không có căn cứ xử lý đối với Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thị Ái M và bà Phạm Thị H, theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo đã kê biên những tài sản gồm:

- Thửa số 278, tờ bản đồ số 121; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk với diện tích là 261,9 m^2;

- Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: tại thôn 3, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, diện tích là 5110m^2;

Ngày 16/9/2022 và 01/11/2022, sau khi xác minh việc kê biên tài sản không còn cần thiết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định huỷ bỏ lệnh kê biên tài sản đối với hai tài sản nêu trên. Việc huỷ bỏ lệnh kê biên tài sản đối với hai tài sản nêu trên là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn S (Trần Văn T) đã tự nguyện thoả thuận, bồi thường cho những người bị hại ông Hoàng Đức H 31.000.000 đồng; ông Hoàng Văn T 60.000.000 đồng; ông Hoàng Văn p (vợ Nông Thị R) 20.000.000 đồng; ông Ma Văn T 85.000.000 đồng; bà Lê Thị C 400.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; Bà Lê Thị T 30.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị B (Bưởi) 87.000.000 đồng; ông Nhan Văn L 6.700.000 đồng; Nguyễn Cộng H (vợ Trịnh Thị T) 51.000.000 đồng; Phan Văn T

(vợ Đoàn Thị Thành H) 165.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T 53.250.000 đồng; bà Cao Thị X (chồng Phan Văn M) 10 tấn cà phê nhân; ông Vương Văn L 25.000.000 đồng. Bị cáo và các bị hại tự thoả thuận về phần tráchn nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

Đối với ông Lê Xuân H hiện không xác định được đang ở đâu nên chưa thực hiện được việc bồi thường. Ông Lê Xuân H có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến tháng 3 năm 2002, Nguyễn Văn S (tên gọi khác là Trần Văn T) đã nhận ký, gửi cà phê, tiêu, Bắp, Đậu và vay mượn tiền, vàng của 16 cá nhân và hộ gia đình thông qua hợp đồng. Đến tháng 3 năm 2002 do giá cả nông sản lên cao dẫn đến không có khả năng trả nợ nên bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt, tổng giá trị tài sản đã được định giá là 317.209.400 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước khi Bộ luật hình sự 2015 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên khung hình phạt của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Bộ luật hình sự 2015 nhẹ hơn, có lợi cho người phạm tội so với khung hình phạt của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung 2009). Vì vậy cần áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 để xử lý đối với bị cáo là phù hợp quy định pháp luật.

Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999 quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ một triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới một triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án

tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;...

Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; ...

[3.1]. Cáo trạng củaViện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân về tài sản và trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo cần thiết phải bị truy tố và đưa ra xét xử.

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[3.3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.4]. Do bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[3.5]. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã viện dẫn và hiện đang tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, bị cáo là người cao tuổi, đang bị bệnh, vụ án xảy ra đã lâu, trong thời gian bỏ trốn bị cáo sinh sống làm ăn không vi phạm pháp luật nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo.

[4]. Đối với hành vi của Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thị Ái M là người làm thuê cho Nguyễn Văn S, toàn bộ quá trình nhận ký gửi, thu tiền và quản lý cửa hàng thu mua nông sản là do Nguyễn Văn S quyết định; bà Phạm Thị H chỉ làm công việc nội trợ gia đình không tham gia vào việc nhận tiền, ký gửi nông sản nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với Nguyễn Công Đ, Nguyễn Thị Ái M và bà Phạm Thị H, theo quy định của pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn S (Trần Văn T) đã tự nguyện thoả thuận, bồi thường cho những người bị hại ông Hoàng Đức H 31.000.000 đồng; ông Hoàng Văn T 60.000.000 đồng; ông Hoàng Văn p (vợ Nông Thị R) 20.000.000 đồng; ông Ma Văn T 85.000.000 đồng; bà Lê Thị C 400.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; Bà Lê Thị T 30.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị B (Bưởi) 87.000.000 đồng; ông Nhan Văn L 6.700.000 đồng; Nguyễn Cộng H (vợ Trịnh Thị T) 51.000.000 đồng; Phan Văn T (vợ Đoàn Thị Thành H) 165.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T 53.250.000 đồng; bà Cao Thị X (chồng Phan Văn M) 10 tấn cà phê nhân; ông Vương Văn L 25.000.000 đồng. Những người bị hại trên không có yêu cầu gì khác về phần trách nhiệm dân sự, do đó không đặt ra để giải quyết.

Đối với khoản nợ 3.260.000 đồng của ông Lê Xuân H hiện không biết nơi cư trú ở đâu nên không có căn cứ giải quyết việc bồi thường. Ông Lê Xuân H có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về phần trách nhiệm dân sự bằng một vụ án khác.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định huỷ bỏ lệnh kê biên tài sản đối với hai tài sản: Thửa số 278, tờ bản đồ số 121; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk với diện tích là 261,9 m^2 và Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: tại thôn 3, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, diện tích là 5110m^2; Việc huỷ bỏ lệnh kê biên tài sản đối với hai tài sản nêu trên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Trần Văn T) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14; khoản 3 Điều 7; điểm a khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Trần Văn T) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Trần Văn T) đã tự nguyện thoả thuận bồi thường cho những người bị hại ông Hoàng Đức H 31.000.000 đồng; ông Hoàng Văn T 60.000.000 đồng; ông Hoàng Văn p (vợ Nông Thị R) 20.000.000 đồng; ông Ma Văn T 85.000.000 đồng; bà Lê
Thị Ca 400.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; ông Y N H 10.000.000 đồng; Bà Lê Thị T 30.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị B (Bưởi) 87.000.000 đồng; ông Nhan Văn L 6.700.000 đồng; Nguyễn Cộng H (vợ Trịnh Thị T) 51.000.000 đồng; Phan Văn T (vợ Đoàn Thị Thành H) 165.000.000 đồng; bà Trịnh Thị T 53.250.000 đồng; bà Cao Thị X (chồng Phan Văn M) 10 tấn cà phê nhân; ông Vương Văn L 25.000.000 đồng. Những người bị hại trên không có yêu cầu gì khác về phần trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét.

Đối với khoản nợ 3.260.000 đồng của ông Lê Xuân H, hiện không xác định được nơi cư trú của ông Hạnh nên không có căn cứ giải quyết việc bồi thường. Ông Lê Xuân H có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về phần trách nhiệm dân sự bằng một vụ án khác.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk đã ra Quyết định huỷ bỏ lệnh kê biên tài sản đối với hai tài sản: Thửa số 278, tờ bản đồ số 121; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk với diện tích là 261,9 m^2 và Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27, địa chỉ: tại thôn 3, xã C, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, diện tích là 5110m^2;

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Văn S (tên gọi khác: Trần Văn T) phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Quốc Hà